

ngày 14/7/2008. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Vì vậy, chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Trần Ngọc Y, sinh ngày 30/6/2008 và Trần Ngọc T, sinh ngày 06/6/2011. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Cao Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Hưng Đ. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh Đ có địa chỉ tại ấp A, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/7/2008. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét thấy, thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nên ly thân từ tháng 02/2023 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh Đ vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ

vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Cao Thị H và anh Trần Hưng Đ được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có hai người con chung tên Trần Ngọc Y, sinh ngày 30/6/2008 (giới tính nữ) và Trần Ngọc T, sinh ngày 06/6/2011 (giới tính nữ). Xét thấy, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có cơ sở. Bởi vì, hiện con chung do chị H trực tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Hơn nữa tại bản tự khai ngày 02/02/2023 cháu Y và cháu T có yêu cầu và nguyện vọng được sống với chị H. Vì vậy, cần tiếp tục giao con chung cho chị H nuôi dạy là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án chị H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Trần Hưng Đ được ly hôn.

Về con chung: Anh Trần Hưng Đ có nghĩa vụ giao con chung tên Trần Ngọc Y, sinh ngày 30/6/2008 (giới tính nữ) và Trần Ngọc T, sinh ngày 06/6/2011 (giới tính nữ) cho chị Cao Thị H tiếp tục nuôi dạy. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ

không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp theo quy định pháp luật không ai được quyền cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Thị H phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 20 tháng 12 năm 2022 chị H có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003245 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thanh Tuấn – Đặng Minh Việt

Nguyễn Kiều Trang